

# NHÀ THƠ TỔ HỮU VÀ XỨ THANH

◆ BÙI VIỆT THẮNG

*“Khi ta ở chỉ là nơi đất ở/ Khi ta đi đất đã hoá tâm hồn”*

(Chế Lan Viên)

**N**hà thơ Tố Hữu (1920-2002), quê ở làng Phù Lai, xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên-Huế. Ông tham gia hoạt động cách mạng từ thời kỳ Mặt trận Dân chủ (1936-1939). Năm 1946, ông là Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa. Tại đây, nhà thơ gặp gỡ và nên duyên vợ chồng với bà Vũ Thị Thanh (1928-2012). Cuốn hồi ký *Ký ức người ở lại* của bà Vũ Thị Thanh xuất bản năm 2012 (nhưng tác giả của nó không kịp đón nhận đứa con tinh thần của mình) giúp người đọc hiểu hơn về Tố Hữu và cái duyên của ông với xứ Thanh. Qua cuốn sách được viết bằng toàn bộ niềm xúc động chân thực của tình vợ chồng tao khang suốt mấy chục năm kề vai sát cánh trong đời tư cũng như hoạt động cách mạng, độc giả càng hiểu thêm một thế hệ đã tự nguyện gắn bó đời mình với lý tưởng chung của dân tộc, cũng như hiểu thêm vì sao sau này Tố Hữu dành cho Xứ Thanh một tình cảm đặc biệt qua nhiều bài thơ da diết tình người, tình đời, tình đất. Trong *Tố Hữu toàn tập*<sup>1</sup>, tôi tìm được 12 bài thơ viết về xứ Thanh. Thiết nghĩ, đây là một phần thơ đặc biệt của thơ Tố Hữu. Ít ai viết về quê hương người vợ thủy chung, yêu dấu nhiều và tha thiết đến như thế: *Mẹ Tom* (1961), *Làng Thượng* (1982), *Hà Trung* (1986), *Cắm Thủy* (1986), *Ngọc Lặc* (1986), *Như Xuân* (1986), *Nông Cống* (1986), *Tĩnh Gia* (1986),

*Hoàng Hóa* (1986), *Quảng Xương* (1986), *Hậu Lộc* (1986), *Lam Kinh* (2001).

Tố Hữu viết bài thơ *Mẹ Tom* (1961) sau 19 năm trở lại nơi từng gắn bó máu thịt với quãng đời hoạt động cách mạng của mình: “Sau 19 năm đi xa, tôi lại về Hanh Cù, Hanh Cát - làng ven biển Hậu Lộc, Thanh Hoá - nơi ngày xưa có bà mẹ Tom rất nghèo đã nuôi giấu chúng tôi, mấy anh em trốn tù về hoạt động. Mẹ Tom có hai người con trai đều là đảng viên cộng sản, ngày ngày đi cúp tóc để nuôi nhà và nuôi đồng chí; về sau cả hai anh đều bị bắt và tra tấn, nhưng một mực không khai cơ quan và cán bộ Đảng”<sup>2</sup>. Nhà thơ coi mẹ Tom như người đẻ ra mình, người có công che chở, nuôi dưỡng những đứa con xa nhà dấn thân vào cuộc trường chinh khổ ải: “Tôi lại về quê mẹ nuôi xưa/ Một buổi trưa, nắng dài bãi cát/ Gió lộng xôn xao, sóng biển đu đưa/ Mát rượi lòng ta ngân nga tiếng hát/ Mười chín năm rồi. Hôm nay lại bước/ Đoạn đường xưa, cát bóng lưng đời/ Ôi có phải sóng bồi thêm bãi trước/ Hay biển đau xưa rút nước xa rồi?”. Bài thơ được viết theo tâm cảm hồi cố, hoài niệm: “Bâng khuâng chuyện cũ: Một chiều thu/ Mười chín năm xưa mấy bạn tù/ Vượt ngục, băng rừng, tìm mối Đảng/ Duyên may, dây nối, đất Hanh Cù”. Người ta vẫn nói, Đảng và dân như cá với nước. Mẹ Tom và những người dân bình

thường là nước: “Đầu thôn, cồn vắng, túp lều rơm/ Tổ ấm chim về có mẹ Tom/ Hai đứa trai ngày đi cúp dạo/ Nồi khoai sắn tối lột thay cơm”. Những con người nghèo đói ấy giàu lòng cưu mang, đùm bọc đồng bào, đồng chí. Mẹ Tom tần tảo sớm hôm vì những đứa con không do mẹ đẻ ra nhưng đáng thương yêu đùm bọc vì họ một lòng một dạ hi sinh vì nghĩa lớn: “Chợ xa, Mẹ gánh mớ rau xanh/ Thêm bó truyền đơn gọi đấu tranh/ Bãi cát vàng thau in bóng mẹ/ Chiều về... Hòn Nẹ... biển reo quanh”. Người mẹ nghèo ấy, mấy ai biết: “Thương người cộng sản, căm Tây - Nhật/ Buồng Mẹ - buồng tim - giấu chúng con/ Đêm đêm chó sủa... Làng bên động/ Bóng Mẹ ngồi canh lán bóng cồn”. Mẹ đã hiến dâng cho cách mạng những giọt máu của mình: “Nhưng một đêm mưa, ướt bãi cồn/ Lính về, lính trói cả hai con/ Máu con đổ cát đường thôn lạnh/ Bóng mẹ ngồi trông, vọng nước non”. Khi nhà thơ trở về chốn cũ thì: “Ôi bóng người xưa đã khuất rồi/ Tròn đôi nắm đất trắng chân đồi/ Sống trong cát, chết vùi trong cát/ Những trái tim như ngọc sáng ngồi”. *Mẹ Tom* là một trong những bài thơ hay nhất trong di sản thơ Tố Hữu, thể hiện đầy đủ đặc sắc ngòi bút có tình của nhà thơ.

Năm 1946, Tố Hữu là Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa. Tại đây ông đã gặp và nên duyên vợ chồng với bà Vũ Thị Thanh (sinh trưởng tại thị xã Thanh Hoá, từng 4 năm, từ 1941 đến 1945, theo học trường nữ PTTH Đồng Khánh, Huế). Tháng 8.1947, họ làm đám cưới, nên vợ nên chồng. Ngay sau đó, bà Vũ Thị Thanh cùng chồng lên chiến khu Việt Bắc, khi nhà thơ được cấp trên điều động công tác. Chín năm kháng chiến gian khổ nhưng hào hùng. Đời sống vợ chồng

riêng tư hòa vào trong khung cảnh chung của toàn dân, toàn diện, trường kỳ kháng chiến (những câu chuyện cảm động của đời sống vợ chồng Tố Hữu được điểm xuyết trong hồi ký *Nhớ lại một thời*, xuất bản năm 2000). Lần trở về xứ Thanh đầu tiên vào năm 1961, bài thơ *Mẹ Tom* được viết cùng năm đó. Sau này, từ năm 1982 đến 1986, Tố Hữu viết liên mười bài thơ về quê vợ, bài cuối cùng (*Lam Kinh*), viết năm 2001, trước khi ông mất một năm. Đọc thơ, thấy Tố Hữu gần như in dấu chân khắp miền vùng xứ Thanh: Nga Sơn, Hà Trung, Cẩm Thủy, Như Xuân, Nông Cống, Tĩnh Gia, Hoằng Hoá, Quảng Xương, Hậu Lộc, Lam Kinh. Mỗi vùng đất gọi lại bao ấn tượng, kỷ niệm, đã trở thành những ký ức lương thiện. Bốn mươi năm sau, trở về làng Thượng (Nga Sơn), lòng bồi hồi xúc động nhớ lại những ngày xưa gian khổ: “Nhớ đường, chạy xuống Nga Sơn/ Về thăm làng Thượng, vừa hơn nửa đời/ Ngày xưa ấy... tuổi đôi mươi/ Như chim bạt gió tìm nơi nấu mình/ Đồng chua ruộng trúng lây sinh/ Mà lòng người lại ơn tình ngọt thơm/ Dành cho củ sắn miếng cơm/ Dành cho tấm chiếu ổ rơm ấm cúng”. Ngày trở về chốn cũ thời lao lung, nhà thơ bỗng rộn ràng: “Hôm nay vui sướng lạ lùng/ Chiều xanh bát ngát một vùng lúa xuân/ Trở về xóm cũ quen thân/ Mái đầu ngả bạc mà chân bòn chòn/ Bạn già ra đón đầu thôn/ Bốn mươi năm... biết mấy hôn cho vừa!/ Cười khà... Vẫn vậy, như xưa/ Thương dân, thương nước nên chưa thấy già” (*Làng Thượng*). Bài thơ cho độc giả cảm nhận đôi mắt xanh nhìn đời của thi sĩ, thấy niềm lạc quan yêu đời khiến con người trẻ mãi với thời gian. Trong bài *Hà Trung*, lần nữa độc giả nhận thấy tấm lòng của thi sĩ

khi đứng giữa quê hương vợ mà như thấy chính trên quê hương mình: “Gió thu lại gọi về Thanh/ Quê em mà cũng quê anh từ nào...”. Đọc đến đây, tôi liên tưởng đến hồi ký của bà Vũ Thị Thanh đã viết, tuy sinh ra ở thị xã Thanh Hoá, có nhiều năm học ở Huế, nên Anh (Tố Hữu) thường nói “quê mình” khi trò chuyện tâm tình. Yêu thương người vợ chung thủy nên Tố Hữu cảm thấy ở đâu trên xứ Thanh cũng đẹp tựa tranh: “Đường lên Cẩm Thủy, trung du/ Xe lăn chậm, gió thu ru mình/ Nắng vờn núi gấm chên vên/ Sóng dờn sông Mã lượn quanh hàng đôi [...]/ Đồi bờ xanh nõn ngô đồng/ Chè nương, lạc bãi, lúa đồng sum suê” (*Cẩm Thủy*). Đến miền sơn cước Ngọc Lặc (nghĩa là “tráp ngọc”), nhà thơ bỗng xao xuyến: “Đẹp sao “tráp ngọc” chốn này/ Xanh xanh đồi trâu, đồi đay, đồi luồng/ Cao su thẳng lối nông trường/ Trâu đàn, bò mộng trên đường nhón nhơ/ Ngạt ngào hương quế gió đưa/ Mấy nàng áo lục, chợ trưa, mặng vàng/ Có gì trong nắng thu sang/ Long lanh Như Áng, rừng vang tiếng cồng” (*Ngọc Lặc*). Không nhiều người biết Như Áng là quê hương gốc của Lê Lợi. Dân gian có thơ: “Ai qua Nông Cống tỉnh Thanh/ Dừng chân nhớ Triệu Thị Trinh anh hùng”. Về mảnh đất này, Tố Hữu dường như cảm thấy mình là một khúc trong sợi dây nối liền quá khứ với hiện tại: “Sương thu xanh ngát ngàn Nưa/ Về thăm Nông Cống, đường xưa ngõ ngang/ Đồng chiêm mùa lúa chín vàng/ Xóm lều rom hóa phố làng ngôi xây/ Bãi đồi xanh mướt màu cây/ Ước gì Bà Triệu ngày nay lại về” (*Nông Cống*). Du khách trên đường thiên lý Nam-Bắc, Bắc-Nam ai cũng một lần dừng chân địa danh Tĩnh Gia nay sầm uất thị trấn phố phường, mấy ai còn

nhớ: “Chiều thu về lại Tĩnh Gia/ Đêm rằm sáng quá, như là chiêm bao/ Qua đây, lại nhớ năm nào/ Xé trời đạn lửa, bom đào, đất rung/ Đường ra mặt trận miền Trung/ Quân dân ta vẫn trùng trùng tiến lên/ Bây giờ đất lặng trời yên/ Vàng đồng lúa chín, lạc chen xanh đồi/ Ngọt ngào tôm cá biển khơi/ Phố làng ngôi mới, mặt người thanh tân/ Vui sao tiếng hát tuổi xuân/ Trăng thu vàng vạc trong ngần Tĩnh Gia” (*Tĩnh Gia*). Viết về Xứ Thanh trong thơ Tố Hữu, tôi lại nhớ tới ca khúc *Mỗi bước đi thêm yêu Tổ quốc* của nhạc sĩ Tân Huyền, càng bản khuôn với “lý lẽ” của không ít người “càng nhiều Tổ quốc càng hạnh phúc”, “ở đâu sung sướng đấy là quê hương”(!?). Tôi cũng đã đến Thanh Hoá nhiều lần (ở đó có người bạn gái đầu đời tuổi trẻ) nhưng chưa mấy khi để ý tới: “Ai xây cầu Ghép trên đường/ Cho Tĩnh Gia nổi Quang Xương đôi bờ/ Đêm xưa bao nỗi đợi chờ/ Phà qua, từng phút từng giờ, đạn bom/ Bây giờ mùa gặt vàng thom/ Mênh mông mặt nước cá tôm đầy thuyền/ Cói, đay xanh biếc một miền/ Chè kê thừa đãi bạn hiền lại chơi/ Đường dùa rời rợi gió khơi/ Hè sang mời bạn... Tuyệt vời Sầm Sơn” (*Quang Xương*). Những cuộc trở về của nhà thơ trong hiện tại không thể không in đậm bóng hình quá khứ, không thể không rung động bởi âm hưởng hào khí của cha ông: “Đường lên Lam Kinh/ Như đi giữa cuộc duyệt binh/ Đồi nổi đồi nắng sáng/ Loang loáng giáo gươm xanh/ Ôi! Mía, mía ngon/ Ngọt cả gió/ Lam Sơn đó/ Năm trăm năm xưa/ Nước mắt nhà tan/ Giặc Minh tàn phá [...]/ Mười năm chiến đấu/ Rừng thẳm sông sâu/ Kiên cường khí phách/ Chi Lăng Liễu Thăng rụng đầu/ Đông Đô, Vương Thông quỳ gối/ “Xã tắc vững bền, non sông đời mới”/ Bia đá Vĩnh

Lãng/ Tổ quốc vĩnh hằng/ Vang mãi “Bình Ngô đại cáo” (*Lam Kinh*). Xứ Thanh, miền “địa linh nhân kiệt”, đã đành. Xứ Thanh miền non xanh nước biếc, hiển hiện. Xứ Thanh, hoài niệm bất tận, đương nhiên. Tất cả ùa vào thơ Tố Hữu với ngọn nguồn sống động qua thời gian, không gian. Ai đó thường cố tình nghĩ thơ Tố Hữu là thơ chính trị, tuyên truyền, nhưng sự thật, trong bản chất thơ Tố Hữu là thơ theo phong cách “trữ tình - chính trị”, thơ mang tinh thần đại khí, nhân văn, sâu đậm tình người.

Không nhiều nhưng Tố Hữu cũng dành cho người vợ - người bạn đời - mình thương yêu, trân quý những câu thơ bề ngoài giản dị như người ta vẫn thường nói “cái đẹp là sự giản dị”. Ít người để ý đến bài thơ *Sợ* (1947). Như hồi ký *Ký ức người ở lại* của bà Vũ Thị Thanh ghi rõ: Đám cưới Tố Hữu - Vũ Thị Thanh được tổ chức vào ngày 25.8.1947, tại

làng Đại Tài, huyện Hoàng Hoá, Thanh Hoá. Sau đó chỉ hai ngày, vợ chồng nhà thơ lên chiến khu Việt Bắc. Trong hồi ký *Nhớ lại một thời* (2000), Tố Hữu có kể chuyện: Đến nơi ở mới, ông đã khéo léo ứng xử để vợ ở nhà khác, không ở chung với mình, ông nghĩ vì có nhiều anh em cán bộ đi kháng chiến xa vợ con, mình “không nở”. Tất nhiên, vợ chồng cũng có nhiều lúc gần gũi tình cảm. Nhà thơ viết chân thành: “Đêm lạnh lêu lôm không bếp lửa/ Hai đứa mình ôm nhau trên sàn nứa/ Nằm bên em nghe má ấm trong tay/ *Sợ* tiếng gà gáy sáng hết đêm nay”. Lãng mạn và hiện thực, trữ tình và tâm lý, riêng và chung quấn quýt trong thơ Tố Hữu nói chung, trong bài thơ *Sợ* nói riêng ■

**Chú thích:**

- <sup>1</sup> *Tố Hữu toàn tập*, Hai tập, NXB. Văn học, 2009.
- <sup>2</sup> *Tố Hữu toàn tập*, Tập I, NXB. Văn học, 2009, tr. 315.

## ĐỌC LẠI THƠ TỐ HỮU

(Tiếp theo trang 25)

Châu, tòa thành biên ải của Đại Việt lúc đó. Con sông qua làng Tố Hữu mang tên sông Kè Lừ, gọi ta nhớ đến những từ “Kè” ở các làng xã miền Bắc. Kè Lừ là tên cổ của làng Niêm Phò, đối mặt làng ông qua hai bên nước. Tên sông lấy theo tên làng. Ở đó, Tố Hữu có người bạn là Nguyễn Vịnh, sau gọi là Nguyễn Chí Thanh, đi cùng với ông qua các phong trào Dân Chủ, Việt Minh...

Tố Hữu lớn lên trên vùng đất cổ của miền Trung, với bao sự tích, bao tình nghĩa nhân sinh. Làm nên hồn thơ phong phú của ông là đất đai sông núi trải dài về Nam, là lịch sử thăng trầm sâu nặng mà ông chứng kiến

hoặc nghe kể, là những khao khát hạnh phúc của mỗi người lao động bình thường mà ông từng chia sẻ. Người thanh niên trẻ trung Nguyễn Kim Thành (Tố Hữu) đã lên đường cống hiến cả đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc dưới ngọn cờ của Đảng Cộng sản và cho thi ca chính là từ mảnh đất chắt chứa sức sống mãnh liệt bao đời của quê hương ông. Ông là người được chọn.

Thời gian nuôi lớn lẽ phải, ủ men nồng cho thi ca. Đọc thơ Tố Hữu chúng ta như được cùng tác giả sống mãi một thời phần đấu gian lao mà tự hào của đất nước không bao giờ quên. ■